

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH CÔNG NGHỆ DỆT, MAY
KHÓA 2022 – 2026

Hải Dương, 2022

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình : Công nghệ dệt, may
Ngành đào tạo : Công nghệ dệt, may
(Textile, Garment Technology)
Mã ngành : 7540204
Trình độ đào tạo : Đại học
Loại hình đào tạo : Chính quy

*(Ban hành theo Quyết định số 424/QĐ-ĐHSD, ngày 09 tháng 8 năm 2022 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Sao Đỏ)*

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân ngành Công nghệ dệt, may có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; có kiến thức toàn diện về lĩnh vực dệt may; có kỹ năng thực hành thành thạo; có khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm và thích ứng với các môi trường làm việc; có ý thức tổ chức kỷ luật trong công việc, ý thức phục vụ cộng đồng; có năng lực nghiên cứu, khả năng sáng tạo, tự học để phát triển trong lĩnh vực dệt, may thời kỳ hội nhập quốc tế.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Kiến thức

1.2.1.1. Kiến thức giáo dục đại cương

1.2.1.1a. Có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị, pháp luật, kinh tế - xã hội, quốc phòng và an ninh để vận dụng và giải quyết các vấn đề thực tiễn.

1.2.1.1b. Có kiến thức cơ bản về toán học, tin học, khoa học tự nhiên và ngoại ngữ để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và học tập nâng cao trình độ.

1.2.1.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

1.2.1.2a. Có kiến thức nền tảng về hình họa, vật liệu, mỹ thuật, thiết kế thời trang và thiết bị may.

1.2.1.2b. Có kiến thức chuyên sâu về thiết kế các loại trang phục, phân tích tài liệu kỹ thuật, thiết kế dây chuyền, lập kế hoạch, quản lý chất lượng sản phẩm và điều hành quá trình sản xuất trong lĩnh vực dệt may.

1.2.2. Kỹ năng

1.2.2.1. Thiết kế, phát triển mẫu; xây dựng và triển khai tài liệu kỹ thuật.

1.2.2.2. Có kỹ năng gia công sản phẩm, tổ chức sản xuất, kiểm soát chất lượng và ứng dụng công nghệ mới vào trong quá trình sản xuất trong lĩnh vực dệt may.

1.2.2.3. Có năng lực ngoại ngữ tiếng Anh hoặc tiếng Trung Quốc hoặc tiếng Nhật để nghiên cứu các vấn đề chuyên môn, giao tiếp, ứng xử, giải quyết công việc với đồng nghiệp, chuyên gia nước ngoài.

1.2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

1.2.3.1. Có năng lực làm việc độc lập, sáng tạo, làm việc theo nhóm và chịu trách nhiệm trong công việc.

1.2.3.2. Có năng lực hướng dẫn, giám sát người khác cùng thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.

1.2.4. Vị trí làm việc của sinh viên sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp được cấp bằng cử nhân Công nghệ dệt, may và có thể làm việc ở các vị trí sau: Cán bộ kỹ thuật tại các doanh nghiệp may, cán bộ phòng kiểm tra chất lượng sản phẩm tại các doanh nghiệp may; cán bộ quản lý, cán bộ điều hành sản xuất ở các công đoạn trong sản xuất may công nghiệp; nhân viên bộ phận nghiên cứu phát triển mẫu tại các doanh nghiệp may; nhân viên tư vấn, thiết kế và kinh doanh sản phẩm thời trang ...; có thể tự tạo lập doanh nghiệp về sản xuất các sản phẩm may mặc hoặc kinh doanh trong lĩnh vực may mặc; làm việc trong các cơ sở giáo dục; đủ điều kiện theo học ở các bậc trình độ cao hơn.

2. CHUẨN ĐẦU RA

2.1. Kiến thức

2.1.1. Hiểu được những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, pháp luật, quốc phòng và an ninh, giáo dục thể chất để vận dụng và giải quyết các vấn đề thực tiễn.

2.1.2. Vận dụng được kiến thức về toán học, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và ngoại ngữ để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và học tập nâng cao trình độ.

2.1.3. Trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 03 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

2.1.4. Vận dụng được kiến thức cơ bản về vật liệu dệt may, thiết bị, an toàn lao động, mỹ thuật, kỹ thuật điện phục vụ cho quá trình sản xuất.

2.1.5. Vận dụng được các phương pháp thiết kế trang phục để hoàn thiện bộ mẫu sản xuất trong lĩnh vực dệt may

2.1.6. Phân tích được quy trình công nghệ, tối ưu hóa quá trình sản xuất, kiểm tra, giám sát và điều hành quá trình sản xuất trong lĩnh vực dệt may

2.2. Kỹ năng

2.2.1. Thiết kế và phát triển được các sản phẩm quần áo thông dụng và thời trang.

2.2.2. Xây dựng được tài liệu kỹ thuật ; triển khai quá trình cắt, may hoàn thiện sản phẩm; kiểm soát năng suất và chất lượng sản phẩm.

2.2.3. Thiết kế được dây chuyền may, tổ chức và điều hành sản xuất khoa học; ứng dụng công nghệ mới, hiện đại trong lĩnh vực dệt may

2.2.4. Truyền đạt được vấn đề, giải pháp chuyên môn tới người khác một cách rõ ràng, dễ hiểu; đánh giá được chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.

2.2.5. Hợp tác, thích ứng được với môi trường, công việc mới; dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho bản thân, cho người khác.

2.2.6. Năng lực ngoại ngữ tiếng Anh hoặc tiếng Trung Quốc hoặc tiếng Nhật đạt bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam hoặc tương đương.

2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

2.3.1. Có sức khỏe, tư duy để nhận thức tầm quan trọng của việc học tập suốt đời; có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi.

2.3.2. Có năng lực hướng dẫn, giám sát người khác cùng thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.

2.3.3. Tự định hướng, đưa ra kết luận và bảo vệ quan điểm cá nhân trong lĩnh vực Công nghệ dệt, may

2.3.4. Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động kinh doanh, dịch vụ liên quan đến Công nghệ dệt, may.

3. THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 4 năm

4. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 146 tín chỉ (*không bao gồm các học phần điều kiện và các học phần tự chọn tùy ý*).

5. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH: Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương

6. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Thực hiện theo quy chế đào tạo trình độ đại học (phương thức tổ chức đào tạo theo tín chỉ, hình thức đào tạo chính quy) và các văn bản hiện hành, được cụ thể hóa theo quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Sao Đỏ.

7. THANG ĐIỂM: Sử dụng thang điểm 10 được quy đổi thành thang điểm 4 và điểm chữ.

8. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

A. HỌC PHẦN KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG VÀ GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
8.1		KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	54		
8.1.1		Lý luận chính trị	11	11	0
1	CTRI 004	Triết học Mác - Lênin	3	3	0
2	CTRI 002	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	0
3	CTRI 001	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0
4	CTRI 003	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0
5	CTRI 005	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
8.1.2		Khoa học xã hội - nhân văn	4	4	0
8.1.2.1		Phần bắt buộc	2	2	0
6	KHXXH 006	Pháp luật đại cương	2	2	0
8.1.2.2		Phần tự chọn có hướng dẫn (chọn 1 trong 2 học phần sau)	2	2	0
7	KHXXH 002	Khởi nghiệp kinh doanh	2	2	0
8	KHXXH 007	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	2	0
8.1.3		Ngoại ngữ (chọn 1 trong 3 ngoại ngữ)	8	8	0
8.1.3.1		Tiếng Anh	8	8	0
9	TANH 029	Tiếng Anh căn bản 1	2	2	0
10	TANH 030	Tiếng Anh căn bản 2	3	3	0
11	TANH 031	Tiếng Anh căn bản 3	3	3	0
8.1.3.2		Tiếng Trung Quốc	8	8	0
12	TTRUNG015	Tiếng Trung căn bản 1	2	2	0
13	TTRUNG016	Tiếng Trung căn bản 2	3	3	0
14	TTRUNG017	Tiếng Trung căn bản 3	3	3	0
8.1.3.3		Tiếng Nhật	8	8	0
15	TNHAT 006	Tiếng Nhật căn bản 1	2	2	0
16	TNHAT 007	Tiếng Nhật căn bản 2	3	3	0
17	TNHAT 009	Tiếng Nhật căn bản 3	3	3	0
8.1.4		Toán học - Khoa học tự nhiên - Tin học	17	14	3
18	TOAN 018	Đại số tuyến tính	3	3	0
19	TOAN 019	Giải tích	3	3	0
20	VLY 001	Vật lý ứng dụng A1	3	2	1
21	VLY 002	Vật lý ứng dụng A2	2	2	0
22	HOA 002	Hóa học ứng dụng D	2	2	0
23	TINCB 005	Tin học cơ bản	4	2	2
8.1.5		Kỹ năng mềm	3	2	1
24	KNM 005	Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm	3	2	1
8.1.6		Giáo dục thể chất	3	0	3
25	GDTC	Giáo dục thể chất	3	0	3
8.1.7		Giáo dục quốc phòng và an ninh	8 TC (165 tiết)		
26	GDQP	Giáo dục quốc phòng và an ninh	8 TC (165 tiết)		
8.2		KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP	92	37	55
8.2.1		Kiến thức cơ sở ngành	15	14	1
27	CNDM 062	An toàn lao động và môi trường dệt may	2	2	0
28	CNDM 049	Nhân trắc học may mặc	2	2	0
29	CNDM 051	Thiết bị trong công nghiệp may	3	2	1
30	CNDM 005	Vật liệu dệt may	2	2	0
31	CNDM 006	Vẽ kỹ thuật ngành may	2	2	0

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
32	CNDM 015	Mỹ thuật trang phục	2	2	0
33	CNDM 061	Xử lý hoàn tất sản phẩm dệt - may	2	2	0
8.2.2		Kiến thức ngành	60	23	37
8.2.2.1		Phần bắt buộc	56	23	33
34	CNDM 056	Thiết kế trang phục 1	4	3	1
35	CNDM 057	Thiết kế trang phục 2	4	3	1
36	CNDM 058	Thiết kế trang phục 3	4	3	1
37	CNDM 040	Đồ án thiết kế trang phục	2	0	2
38	CNDM 008	Công nghệ may trang phục 1	2	2	0
39	CNDM 037	Công nghệ may trang phục 2	4	3	1
40	CNDM 038	Công nghệ may trang phục 3	4	3	1
41	CNDM 039	Đồ án công nghệ may	2	0	2
42	CNDM 052	Thiết kế - giác sơ đồ trên máy tính 1	3	0	3
43	CNDM 054	Thiết kế chuyên may công nghiệp	2	2	0
44	CNDM 060	Tổ chức và quản lý sản xuất may công nghiệp	2	2	0
45	CNDM 050	Quản lý chất lượng trang phục	2	2	0
46	CNDM 045	Kỹ thuật may cơ bản	2	0	2
47	CNDM 046	Kỹ thuật may quần âu, áo sơ mi	4	0	4
48	CNDM 043	Kỹ thuật may áo jacket	4	0	4
49	CNDM 044	Kỹ thuật may áo veston	4	0	4
50	CNDM 048	Kỹ thuật rải chuyên	4	0	4
8.2.2.2		Phần tự chọn có hướng dẫn (chọn 2 trong 3 học phần sau)	4	0	4
51	CNDM 013	Đồ họa kỹ thuật ứng dụng ngành may	2	0	2
52	CNDM 047	Kỹ thuật may sản phẩm dệt kim	2	0	2
53	CNDM 036	Chế tạo cỡ gá ngành may	2	0	2
8.2.3		Thực tập và đồ án tốt nghiệp	20	0	20
54	CNDM 406	Thực tập doanh nghiệp	3	0	3
55	CNDM 403	Thực tập tốt nghiệp	7	0	7
56	CNDM 401	Đồ án tốt nghiệp (hoặc học thêm 2 học phần chuyên môn sau)	10	0	10
57	CNDM 042	Kỹ thuật cắt may trang phục trẻ em	5	0	5
58	CNDM 041	Kỹ thuật cắt may trang phục cao cấp	5	0	5
Tổng (tín chỉ)			146		

B. HỌC PHẦN ĐIỀU KIỆN VÀ HỌC PHẦN TỰ CHỌN TÙY Ý

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
I. Học phần điều kiện			11	9	2
I.1		Kỹ năng mềm	6	4	2
1.	KNM 007	Kỹ năng thích ứng, phản biện và tư duy sáng tạo	3	2	1
2.	KNM 006	Kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức sự kiện và tìm kiếm việc làm	3	2	1
I.2		Ngoại ngữ (chọn 1 trong 3 ngoại ngữ)	5	5	0
3.	TANH 034/ TTRUNG018/ TNHAT 009	Tiếng Anh nâng cao/Tiếng Trung nâng cao 1/ Tiếng Nhật nâng cao 1	2	2	0
4.	TANH 030/ TTRUNG019/ TNHAT 010	Tiếng Anh ngành CN dệt, may /Tiếng Trung nâng cao 2/ Tiếng Nhật nâng cao 2	3	3	0
II. Học phần tự chọn tùy ý			11	5	6
5.	CNDM 053	Thiết kế - giác sơ đồ trên máy tính 2	3	0	3
6.	CNDM 059	Thiết kế trang phục trên Mannequin	3	0	3
7.	CNDM 055	Thiết kế kế mẫu công nghiệp	3	3	0
8.	DDT 003	Kỹ thuật điện	2	2	0
Tổng (tín chỉ)			22	14	8

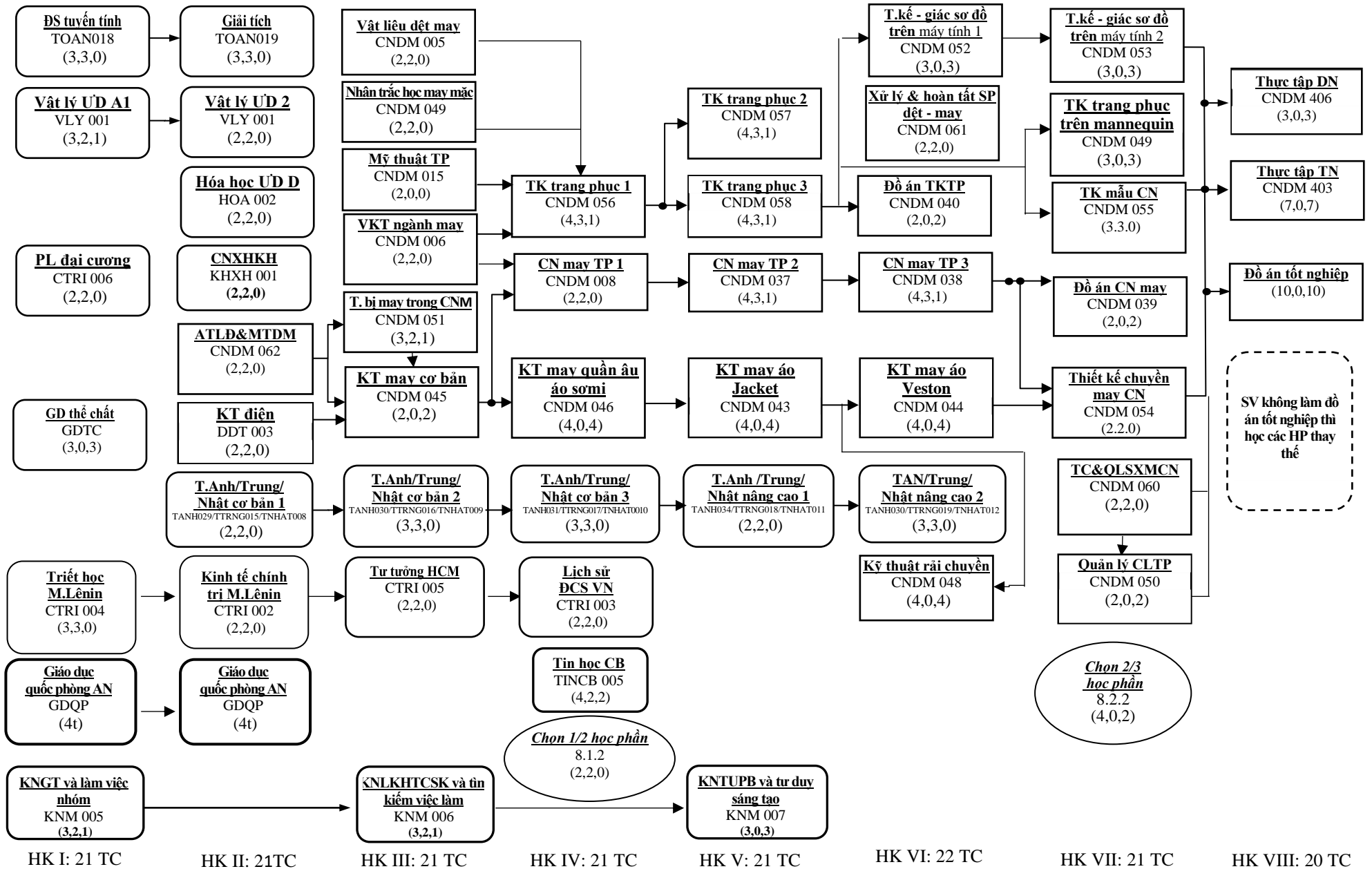
9. MA TRẬN TÍCH HỢP HỌC PHẦN - CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TT	Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo															
			Kiến thức						Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
			2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.1.6	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4
1.	CTRI 004	Triết học Mác - Lênin	2									3			3			
2.	CTRI 002	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2									3			3			
3.	CTRI 001	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2									3			3			
4.	CTRI 003	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2									3			3			
5.	CTRI 005	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2									3			3			
6.	KHXXH 006	Pháp luật đại cương	2									3			3			
7.	KHXXH 002	Khởi nghiệp kinh doanh		3					3						3			
8.	KHXXH 007	Phương pháp nghiên cứu khoa học		4									4		4	4		
9.	TANH 029	Tiếng Anh căn bản 1		2											3	3		
10.	TANH 030	Tiếng Anh căn bản 2		2										3	3			
11.	TANH 031	Tiếng Anh căn bản 3		3										3	4			
12.	TTRUNG 015	Tiếng Trung căn bản 1		2										3	3			
13.	TTRUNG 016	Tiếng Trung căn bản 2		2										3	3			
14.	TTRUNG 017	Tiếng Trung căn bản 3		3										3	4			
15.	TNHAT 006	Tiếng Nhật căn bản 1		2										3	3			
16.	TNHAT 007	Tiếng Nhật căn bản 2		2										3	3			
17.	TNHAT 008	Tiếng Nhật căn bản 3		3										3	4			
18.	TOAN 018	Đại số tuyến tính		3								2			2			
19.	TOAN 019	Giải tích		3								2			2			
20.	VLY 001	Vật lý ứng dụng A1		3								3			2			
21.	VLY 002	Vật lý ứng dụng A2		3								3			2			
22.	HOA 002	Hóa học ứng dụng D		3								3			2			
23.	TINCB 005	Tin học cơ bản			3										3			

TT	Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo																
			Kiến thức						Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm				
			2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.1.6	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4	
24.	KNM 005	Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm											3			3			
25.	GDTC	Giáo dục thể chất	2													3			
26.	GDQP	Giáo dục quốc phòng và an ninh	2													3			
27.	CNDM 062	An toàn lao động và môi trường dệt may				3						3				4		3	
28.	CNDM 049	Nhân trắc học may mặc		3		4			3		2	3				4	3	3	
29.	CNDM 051	Thiết bị trong công nghiệp may				4				3	3					4		3	
30.	CNDM 005	Vật liệu dệt may		3		4			3	3						4		3	
31.	CNDM 006	Vẽ kỹ thuật ngành may		3		3			3		3					4		3	
32.	CNDM 015	Mỹ thuật trang phục				4			3							4		3	
33.	CNDM 061	Xử lý hoàn tất sản phẩm dệt - may		3		3		3		3	3					4	3	3	
34.	CNDM 056	Thiết kế trang phục 1		3		3	4		3	3						4		3	
35.	CNDM 057	Thiết kế trang phục 2		3		3	4		3	3						4		3	
36.	CNDM 058	Thiết kế trang phục 3		3		3	4		3	4						4		3	
37.	CNDM 040	Đồ án thiết kế trang phục		3	3	4	5		4	4	3	3				4	4	4	
38.	CNDM 008	Công nghệ may trang phục 1				3				3						4		3	
39.	CNDM 037	Công nghệ may trang phục 2		2		4		4		3	3					4	3	3	
40.	CNDM 038	Công nghệ may trang phục 3		3		3		4		4	4					4	3	3	
41.	CNDM 039	Đồ án công nghệ may		3	3	4		5		4	4	4				4	4	4	3
42.	CNDM 052	Thiết kế - giác sơ đồ trên máy tính 1		3	3	4	5		4	4	3					4		3	
43.	CNDM 054	Thiết kế chuyên may công nghiệp		3		4		4		3	4					4	3	3	3
44.	CNDM 060	Tổ chức và quản lý sản xuất may công nghiệp				4		4		3	3	3				4	3	4	
45.	CNDM 050	Quản lý chất lượng trang phục		3		4	4	4		4	3	3				4	3	3	
46.	CNDM 045	Kỹ thuật may cơ bản				3		2		4	3					4		3	
47.	CNDM 046	Kỹ thuật may quần âu, áo sơ mi				3		3		4	4					4		3	

TT	Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo															
			Kiến thức						Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
			2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.1.6	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4
48.	CNDM 043	Kỹ thuật may áo jacket				3		3		4	4				4		3	
49.	CNDM 044	Kỹ thuật may áo veston				3		3		4	4				4		3	
50.	CNDM 048	Kỹ thuật rải chuyên				3		4		4	4	3	3		4	4	4	3
51.	CNDM 013	Đồ họa kỹ thuật ứng dụng ngành may		3	3	4				3	4				4		3	
52.	CNDM 047	Kỹ thuật may sản phẩm dệt kim				3		3		4	4				4		3	
53.	CNDM 036	Chế tạo cỡ gá ngành may		3		4	4	3			4	3			4	3	3	
54.	CNDM 406	Thực tập doanh nghiệp		3	3	4	4	6	4	4	4	3	4		4	4	4	3
55.	CNDM 403	Thực tập tốt nghiệp		3	3	4	4	6	4	4	4	3	4		4	4	4	3
56.	CNDM 401	Đồ án tốt nghiệp		3	3	4	4	6	4	4	4	4			4	4	4	3
57.	CNDM 042	Kỹ thuật cắt may trang phục trẻ em		3		4	4	4	3	4	4				4		3	
58.	CNDM 041	Kỹ thuật cắt may trang phục cao cấp		3		4	4	4	3	4	4				4		3	
59.	KNM 007	Kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức sự kiện và tìm kiếm việc làm											3		3			
60.	KNM 006	Kỹ năng thích ứng, phản biện và tư duy sáng tạo											3		3			
61.	TANH 034/ TTRUNG018/ TNHAT 009	Tiếng Anh nâng cao/Tiếng Trung nâng cao 1/ Tiếng Nhật nâng cao 1		3										4	4			
62.	TANH 030/ TTRUNG019/ TNHAT 010	Tiếng Anh ngành CN dệt, may /Tiếng Trung nâng cao 2/ Tiếng Nhật nâng cao 2		3										4	4			
63.	CNDM 053	Thiết kế - giác sơ đồ trên máy tính 2		3	3	4	5		4	4	3				4		3	
64.	CNDM 059	Thiết kế trang phục trên Mannequin				4	4	4	4	4					4		3	
65.	CNDM 055	Thiết kế kế mẫu công nghiệp		2		4	4		4	4					4		3	
66.	DDT 003	Kỹ thuật điện				3									4	4	3	

10 TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO



11. NỘI DUNG CÁC HỌC PHẦN – HỆ ĐẠI HỌC

11.1. Mô tả các học phần

1. Triết học Mác - Lênin

Học phần Triết học Mác - Lênin giới thiệu cho sinh viên những nội dung cơ bản về: Triết học và vấn đề cơ bản của triết học, triết học Mác - Lênin và vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội; chủ nghĩa duy vật biện chứng: vật chất và ý thức, phép biện chứng duy vật, lý luận nhận thức; chủ nghĩa duy vật lịch sử: vai trò của triết học trong đời sống xã hội, chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử: học thuyết hình thái kinh tế - xã hội, giai cấp và dân tộc, Nhà nước và cách mạng xã hội, ý thức xã hội, triết học về con người. Hình thành thế giới quan và phương pháp luận khoa học, cách mạng cho sinh viên trong nhận thức và thực tiễn.

2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về: đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin; hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường; giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

3. Chủ nghĩa xã hội khoa học

Học phần Chủ nghĩa xã hội (CNXH) khoa học giới thiệu khái quát cho sinh viên những nội dung cơ bản về: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, CNXH và thời kỳ quá độ lên CNXH, dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa, cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên CNXH, vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên CNXH, vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Giúp sinh viên nhận diện và giải quyết các vấn đề chính trị - xã hội nảy sinh trong thực tiễn quá trình xây dựng CNXH ở Việt Nam.

4. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp học tập lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và quá trình lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền từ năm 1930 - 1945; Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (từ năm 1975 đến nay). Hình thành cho sinh viên phương pháp tư duy khoa học về lịch sử, kỹ năng lựa chọn tài liệu nghiên cứu, học tập. Giúp sinh viên nhận thức đúng đắn đường lối lãnh đạo của Đảng, và khả năng vận dụng đường lối của Đảng vào tiễn trong học tập, cuộc sống.

5. Tư tưởng Hồ Chí Minh

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh cung cấp cho sinh viên kiến thức về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung, quan điểm cơ bản trong hệ thống tư tưởng của Người như: Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của

Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân; về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hóa, đạo đức, con người. Hình thành thế giới quan và phương pháp luận khoa học, cách mạng cho sinh viên trong nhận thức và thực tiễn. Giúp sinh viên nhận thức đúng đắn các vấn đề của tự nhiên, xã hội và tư duy, hình thành quan điểm khoa học, lập trường cách mạng trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

6. Pháp luật đại cương

Học phần Pháp luật đại cương giới thiệu cho sinh viên những nội dung cơ bản về Nhà nước và pháp luật nói chung cũng như Nhà nước và pháp luật Việt Nam nói riêng; về một số ngành luật cơ bản trong hệ thống pháp luật Việt Nam như Luật Hiến pháp Việt Nam, Luật hành chính, Luật hình sự và tố tụng hình sự, Luật dân sự và tố tụng dân sự, Pháp luật về Luật lao động và Bảo hiểm xã hội, Pháp luật kinh doanh. Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hệ thống pháp luật Việt Nam, từ đó sống, học tập và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật.

7. Khởi nghiệp kinh doanh

Học phần Khởi nghiệp kinh doanh cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và cần thiết trong lĩnh vực kinh doanh như: Thảo luận về vấn đề quản trị doanh nghiệp mới, phân tích các đặc điểm doanh nghiệp, quản trị tính sáng tạo và tạo dựng một doanh nghiệp thành công. Phương pháp hình thành ý tưởng kinh doanh, cách thức xây dựng bản kế hoạch và triển khai hoạt động kinh doanh. Cung cấp những kỹ năng.

8. Phương pháp nghiên cứu khoa học

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về phương pháp thu thập dữ liệu và xử lý thông tin, trình bày luận điểm khoa học giúp cho sinh viên hình thành tư duy logic trong nghiên cứu khoa học. Từ đó, sinh viên biết xây dựng luận điểm, tìm kiếm luận cứ thông qua vận dụng các phương pháp thu thập thông tin và hoàn thiện về kỹ năng thuyết trình luận điểm khoa học.

9. Tiếng Anh căn bản 1

Học phần Tiếng Anh căn bản 1 đề cập đến những từ vựng cơ bản về các chủ điểm: Nghề nghiệp, con người, nơi chốn, gia đình, thể thao, sức khỏe, đồ ăn, quần áo, máy tính và internet. Bên cạnh đó, sinh viên được củng cố các kiến thức ngữ pháp như: Động từ to be, đại từ nhân xưng; tính từ, đại từ sở hữu; giới từ chỉ thời gian, địa điểm; đại từ bất định... Phân biệt được các thời động từ: Hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ và phân biệt danh từ đếm được và không đếm được, các cấu trúc sử dụng với các dạng từ loại: Can, have got, there is/are, like... và một số loại cấu trúc câu hỏi.

10. Tiếng Anh căn bản 2

Học phần Tiếng Anh căn bản 2 đề cập đến những từ vựng cơ bản về các chủ điểm: Đồ ăn, quần áo, máy tính và internet, âm nhạc, lễ hội, công nghệ, phát minh, thời tiết, kỳ nghỉ, phương tiện giao thông, công việc, hoạt động, kỹ năng, thói quen văn hóa, chính trị. Bên cạnh đó, sinh viên được củng cố các kiến thức ngữ pháp như: Động từ to be, đại từ nhân xưng; tính từ, đại từ sở hữu; giới từ chỉ thời gian, địa điểm; đại từ bất định... Phân biệt được các thời động từ: quá khứ, hiện tại hoàn thành, cấu

trúc so sánh, will và be going to, have to, mệnh lệnh thức, giới từ và phân biệt danh từ đếm được và không đếm được, các cấu trúc sử dụng với các dạng từ loại: Can, have got, there is/are, like... và một số loại cấu trúc câu hỏi.

11. Tiếng Anh căn bản 3

Học phần gồm 12 bài học về các chủ điểm: Cuộc sống của bạn, những sự kiện trong cuộc sống, phong cách, mục tiêu, sống khỏe, quy luật, sắp xếp thời gian, thể thao, công nghệ và cuộc sống, thế giới tự nhiên, thư giãn...

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về các lĩnh vực:

Ngữ pháp: Cung cấp cho sinh viên các kiến thức ngữ pháp về thì hiện tại đơn, và hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, và quá khứ tiếp diễn, thời hiện tại hoàn thành, thời tương lai đơn, các biện pháp so sánh hơn, so sánh hơn nhất, danh động từ và động từ nguyên thể, cách dùng động từ khuyết thiếu chỉ yêu cầu và lời khuyên, mệnh đề quan hệ, câu bị động và câu điều kiện...

Từ vựng: Cung cấp cho sinh viên từ loại về các chủ điểm liên quan đến nội dung bài học: Cuộc sống của bạn, những sự kiện trong cuộc sống, phong cách, mục tiêu, sống khỏe, quy luật, sắp xếp thời gian, thể thao, công nghệ và cuộc sống, thế giới tự nhiên, thư giãn...

Kỹ năng: Học phần luyện các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết về các chủ điểm bài học.

Kết cấu mỗi bài học gồm 4 phần, mỗi phần đều bao gồm 1 chủ đề về từ vựng, cấu trúc ngữ pháp và phần luyện tập các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết về các chủ đề từ vựng cũng như cấu trúc ngữ pháp đó. Kết thúc mỗi bài đều có phần củng cố và ôn tập lại toàn bộ nội dung bài học đó.

12. Tiếng Trung căn bản 1

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về ngữ âm và chữ viết tiếng Trung: Cách phát âm, cách viết các nét cơ bản, nét biến thể và quy tắc viết chữ Hán, từ vựng về các chủ điểm liên quan đến nội dung bài học: Làm quen, hỏi họ tên, hỏi địa điểm, đổi tiền, mua bán, ăn uống... và kiến thức ngữ pháp như: Cách sử dụng các từ 们, 也, 都, 在... cách đọc số tự nhiên và mã số, câu hỏi dùng “吗”, câu hỏi dùng đại từ nghi vấn, câu hỏi chính phủ, câu vị ngữ động từ, câu vị ngữ hình dung từ...

13. Tiếng Trung căn bản 2

Nội dung các bài cung cấp cho sinh viên các từ vựng, các cụm từ liên quan đến các chủ đề giao tiếp trong đời sống hàng ngày: Miêu tả đồ vật, giới thiệu gia đình, hoạt động ở thư viện và bưu điện, hoạt động hằng ngày, mua quần áo. Kiến thức ngữ pháp được trình bày từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp: Câu hỏi dùng 呢, câu hỏi lựa chọn, câu hỏi chính phủ, cụm từ chữ 的, từ hỏi số lượng, cụm từ số lượng, câu vị ngữ hình dung từ, câu vị ngữ chủ vị, câu vị ngữ hai tân ngữ, câu chữ 有, câu liên động, động từ lặp lại, cách nói giá tiền, số tự nhiên, cách biểu đạt sự tiến hành của động tác, cấu trúc 又...又..., 一点儿 và 有一点儿, 还是 và 或者. Các bài tập trong học phần được thiết kế tập trung rèn luyện, củng cố các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tương ứng với nội dung từng bài trong học phần.

14. Tiếng Trung căn bản 3

Học phần Tiếng Trung căn bản 3 cung cấp cho sinh viên các nội dung sau:

- Ngữ pháp: Câu vị ngữ danh từ, câu kiêm ngữ, động từ năng nguyện, trợ từ ngữ khí “了”, bổ ngữ trạng thái, câu hỏi dùng ngữ điệu nghi vấn, cách hỏi với “多”, phân biệt được cách dùng “以前” và “以后”, “离”, “从” và “往”, “再” và “又”, cách biểu đạt thời gian, phương hướng và vị trí (phương vị từ), cách biểu đạt sự tồn tại, cách hỏi nguyên nhân.

- Từ vựng: Các nhóm động từ, danh từ theo những chủ điểm khác nhau: Hoạt động hằng ngày, sở thích cá nhân, cách biểu đạt phương hướng, thời gian,...

- Kỹ năng: Các bài luyện tập nghe, nói, đọc, viết về các chủ đề liên quan đến công việc, đời sống,...

15. Tiếng Nhật căn bản 1

Học phần gồm những kiến thức cơ bản về chữ viết (nhập môn Kana): Bảng chữ Hiragana và Katakana, cách ghép âm, âm ngắt, trường âm, thể khẳng định, phủ định, nghi vấn của -desu; trợ từ -wa, -mo, -no; các đại từ chỉ định cùng với các cụm từ chào hỏi, làm quen, giới thiệu bản thân, danh từ chỉ nghề nghiệp, quốc tịch, đồ vật, số đếm, đồng thời học phần cung cấp các bài tập luyện kỹ năng nghe, nói, đọc, viết theo các chủ đề bài học.

16. Tiếng Nhật căn bản 2

Học phần đề cập đến những kiến thức cơ bản về các nội dung sau:

- Chữ Kanji thường dùng.

- Ngữ pháp: Cách chia động từ ở các thể -masu, -masen, -mashita, -masendeshita, -masenka, -masho, tính từ đuôi -i và tính từ đuôi -na, trợ từ đi cùng với động từ, trạng từ chỉ mức độ, tần suất.

- Từ vựng: Chủ đề như ngày tháng, phương tiện giao thông, thể thao, mua sắm, ăn uống.

- Kỹ năng: Luyện tập nghe, nói, đọc, viết về các chủ đề cách đưa lời mời, cách nói sở thích, mô tả các hoạt động thường ngày của bản thân và đối tượng giao tiếp, các cách biểu thị sự đồng ý, tán thành, cách nói giờ giấc, ngày tháng.

17. Tiếng Nhật căn bản 3

Học phần đề cập đến những kiến thức cơ bản về các nội dung sau:

- Chữ Kanji thường dùng.

- Ngữ pháp: Cách biến đổi danh từ, tính từ sang thì quá khứ, cấu trúc so sánh của tính từ, cách sử dụng trợ từ, lượng từ, giới từ chỉ vị trí, động từ -iru, -aru, động từ thể -tai, thể -te.

- Từ vựng: Chủ đề gia đình, ẩm thực, giải trí, âm nhạc, thể thao, thời tiết, cảm xúc, lễ hội và địa danh.

- Kỹ năng: Luyện tập nghe, nói, đọc, viết về sở thích, giải thích lý do, biểu thị ý muốn, mệnh lệnh, mô tả sự sở hữu, tồn tại của người và sự vật, so sánh, đếm đồ vật và các hoạt động thường ngày của bản thân và đối tượng giao tiếp.

18. Đại số tuyến tính

Học phần Đại số tuyến tính đề cập đến những kiến thức cơ bản về các nội dung sau: Ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, không gian vectơ, ánh xạ tuyến tính, dạng toàn phương.

19. Giải tích

Học phần Giải tích đề cập đến những kiến thức cơ bản về các nội dung sau:

- Hàm một biến số: Giới hạn, tính liên tục, đạo hàm, vi phân, phép tính tích phân hàm một biến.

- Hàm nhiều biến số: Giới hạn, tính liên tục, đạo hàm riêng, vi phân, cực trị, tích phân bội, tích phân đường, phương trình vi phân cấp một, phương trình vi phân cấp hai.

20. Vật lý ứng dụng A1

Nội dung học phần Vật lý ứng dụng A1 gồm các phần:

Động học chất điểm: Các loại chuyển động cơ học đặc biệt.

Động lực học chất điểm: Các định luật của Newton, các định lý động lượng, định luật bảo toàn cơ năng.

Động lực học hệ chất điểm: Các dạng chuyển động của vật rắn, phương trình mô tả và các đại lượng vật lý đặc trưng cho vật rắn quay quanh trục cố định.

Dao động và sóng cơ học: Một số loại dao động cơ học, sự lan truyền sóng cơ học.

Nhiệt động lực học: Các định luật thực nghiệm chất khí, phương trình trạng thái của khí lý tưởng, các nguyên lý và ứng dụng của các nguyên lý nhiệt động lực học.

Thí nghiệm vật lý ứng dụng: Các bài thí nghiệm vật lý thuộc các lĩnh vực cơ, nhiệt, điện, quang.

21. Vật lý ứng dụng A2

Nội dung học phần gồm các phần sau:

- Điện từ trường: Điện trường tĩnh, từ trường tĩnh, điện từ trường biến thiên.

- Dao động và sóng điện từ: Dao động điện từ điều hòa, tắt dần, cưỡng bức.

- Quang học: Tính chất sóng ánh sáng qua các hiện tượng: Giao thoa, nhiễu xạ ánh sáng.

22. Hóa học ứng dụng D

Học phần đề cập đến những kiến thức cơ bản về các nội dung sau:

- Cấu tạo chất: Cấu tạo nguyên tử, bảng hệ thống tuần hoàn, các loại liên kết hóa học và dạng hình học của phân tử.

- Nhiệt động hóa học: Các quá trình nhiệt hóa học, tốc độ phản ứng, cân bằng hóa học, dung dịch, dung dịch điện ly, điện hóa học.

23. Tin học cơ bản

Học phần Tin học cơ bản cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về máy tính, hệ điều hành Windows, lưu trữ thông tin trên máy tính, kết nối và sử dụng tài nguyên và các dịch vụ trên Internet, xử lý một số sự cố liên quan đến máy tính và mạng, cách soạn và trình bày văn bản trong thực tế yêu cầu. Đồng thời giới thiệu cách trình bày, tạo và xử lý dữ liệu bảng tính; xây dựng và trình chiếu bài thuyết trình để giải quyết các tình huống xảy ra trong thực tế.

24. Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm

Học phần Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm cung cấp những nội dung cơ bản về khái niệm, vai trò, các phương tiện và các kỹ năng giao tiếp như: Cách thức giao tiếp, các nguyên tắc trong giao tiếp; những khó khăn trong giao tiếp; các hình thức trong giao tiếp ứng xử trong nhà trường như: Giao tiếp, ứng xử với thầy cô, cán bộ, công nhân viên, ứng xử với khách đến liên hệ với trường; nội dung cơ bản về khái niệm, tầm quan trọng và các kỹ năng làm việc nhóm như: Cách thức và quy chế tổ chức nhóm, các nguyên tắc làm việc theo nhóm, quá trình làm việc theo nhóm, giải quyết vấn đề trong nhóm, đánh giá kết quả của nhóm; những khó khăn khi làm việc theo nhóm. Từ đó, sinh viên vận dụng trong quá trình học tập, rèn luyện và trong cuộc sống.

25. Giáo dục thể chất

Sinh viên chọn 1 trong 3 nội dung:

- *Bóng chuyền hơi*: Nội dung của học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về lịch sử hình thành và phát triển, các quy định về sân bãi, dụng cụ thi đấu, luật thi đấu, phương pháp tổ chức thi đấu và một số kỹ thuật cơ bản của môn bóng chuyền: kỹ thuật chuyền bóng thấp tay, kỹ thuật chuyền bóng cao tay, kỹ thuật phát bóng. Các bài tập phát triển thể lực chung và thể lực chuyên môn của môn bóng chuyền.

- *Bóng đá*: Nội dung của học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về luật thi đấu, phương pháp tổ chức thi đấu và một số kỹ thuật nâng cao của môn bóng đá: kỹ thuật dẫn bóng luân cọc sút cầu môn, kỹ thuật ném biên, kỹ thuật đá bóng bằng má trong bàn chân. Các bài tập phát triển thể lực chung và thể lực chuyên môn của bóng đá.

- *Khiêu vũ thể thao*: Nội dung của học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về: Lịch sử ra đời và phát triển môn khiêu vũ thể thao; luật khiêu vũ thể thao; các kỹ thuật cơ bản: thuật ngữ, vũ điệu Bachata, Chachacha và Bebo.

26. Giáo dục quốc phòng và an ninh

Môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh bao gồm những kiến thức cơ bản về nền quốc phòng toàn dân, an ninh Nhân dân, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về quốc phòng và an ninh, nghệ thuật quân sự Việt Nam. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh Nhân dân. Đội ngũ đơn vị, sử dụng bản đồ, địa hình quân sự, một số loại vũ khí bộ binh; thuốc nổ; phòng chống vũ khí hủy diệt lớn; cấp cứu ban đầu các vết thương. Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK; từng người trong chiến đấu tiến công; từng người trong chiến đấu phòng ngự.

27. An toàn lao động và môi trường dệt may

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về môi trường sản xuất và các biện pháp an toàn trong lao động sản xuất may công nghiệp; các kiến thức về bảo hộ lao động, các điều kiện vệ sinh trong lao động: phòng chống cháy nổ, bụi, tiếng ồn, chất phóng xạ... trong các phân xưởng may công nghiệp; các kỹ thuật an toàn lao động: an toàn điện, phòng chống cháy nổ, an toàn khi thiết kế và sử dụng máy móc may công nghiệp.

28. Nhân trắc học may mặc

Học phần Nhân trắc học may mặc trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nhân trắc học, mục đích, ứng dụng của nhân trắc trong ngành may mặc; các kiến thức về đặc điểm hình thái cơ thể người, các cách phân loại hình dáng cơ thể

người, phương pháp đo thông số kích thước để thiết kế sản phẩm trang phục; các bước xây dựng hệ thống cỡ số và yếu tố ảnh hưởng đến hệ thống cỡ số.

29. Thiết bị trong công nghiệp may

Học phần Thiết bị trong công nghiệp may nghiên cứu các nội dung: cấu tạo, đặc tính của các dạng mũi may áp dụng trong máy may; nghiên cứu cấu tạo nguyên lý làm việc các loại máy may; nghiên cứu về các thiết bị xử lý nhiệt hơi, thiết bị gá lắp áp dụng trong ngành công nghiệp may.

30. Vật liệu dệt may

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cấu tạo và tính chất của một số nguyên liệu dệt. Ngoài ra cung cấp những kiến thức về cấu trúc, tính chất của vải dệt thoi, dệt kim, vải không dệt và phụ liệu may. Từ đó giúp sinh viên biết nguồn gốc của nguyên liệu dệt, biết phân biệt và lựa chọn nguyên phụ liệu phù hợp với sản phẩm may.

31. Vẽ kỹ thuật ngành may

Học phần cung cấp những kiến thức về tiêu chuẩn trình bày bản vẽ, cách dựng một bản vẽ đúng tiêu chuẩn kỹ thuật và kỹ năng nắm bắt, hiểu được hệ thống ký hiệu thông số trong bản vẽ kỹ thuật chuyên ngành may mặc. Những kiến thức về vẽ kỹ thuật trong ngành may giúp cho việc thiết kế các sản phẩm may mặc được chuẩn hóa, thúc đẩy việc chuyên môn hóa nâng cao năng suất trong sản xuất.

32. Mỹ thuật trang phục

Nội dung học phần Mỹ thuật trang phục trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về trang phục, thời trang và mốt, màu sắc trong lĩnh vực thời trang, hình dáng, họa tiết, chất liệu sử dụng trong ngành thời trang, bố cục trang phục đảm bảo yêu cầu mỹ thuật.

33. Xử lý hoàn tất sản phẩm dệt - may

Học phần Xử lý hoàn tất sản phẩm dệt - may cung cấp những kiến thức cơ bản về tính chất, phạm vi ứng dụng, bảo quản của các loại hóa chất. Quá trình xử lý vải trước, trong và sau nhuộm. Quá trình nhuộm của một số loại vải thông dụng. Ngoài ra học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về quá trình in hoa trên sản phẩm dệt may.

34. Thiết kế trang phục 1

Học phần Thiết kế trang phục 1 trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp thiết kế các loại sản phẩm quần áo, áo sơ mi trên cơ sở của hệ thống cỡ số, lượng cử động cho phù hợp với các loại quần áo kiểu cơ bản. Ngoài ra học phần còn giúp sinh viên có kỹ năng thiết kế một số kiểu mẫu quần áo cơ bản, để từ đó có thể thiết kế và phát triển mẫu mới hợp lý và khoa học.

35. Thiết kế trang phục 2

Học phần Thiết kế trang phục 2 giúp sinh viên nắm được phương pháp thiết kế các loại sản phẩm áo khoác ngoài trên cơ sở của hệ thống cỡ số, lượng cử động cho phù hợp với chất liệu và kiểu dáng của sản phẩm. Học phần còn giúp sinh viên có kỹ năng thiết kế một số kiểu áo khoác ngoài từ mẫu áo cơ bản, để từ đó có thể thiết kế và phát triển mẫu mới hợp lý và khoa học.

36. Thiết kế trang phục 3

Học phần Thiết kế trang phục 3 cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về phương pháp xây dựng các loại mẫu cỡ trung bình, phương pháp nhảy mẫu theo bảng

thông số kỹ thuật dùng trong sản xuất may công nghiệp và xây dựng tài liệu kỹ thuật thiết kế cho mã hàng chuẩn bị đưa vào sản xuất.

37. Đồ án thiết kế trang phục

Học phần Đồ án thiết kế trang phục giúp cho sinh viên tổng hợp kiến thức lý thuyết đã học và kinh nghiệm thực tế tại xưởng trường và doanh nghiệp may công nghiệp để thiết kế và xây dựng tài liệu kỹ thuật thiết kế phục vụ cho sản xuất.

38. Công nghệ may trang phục 1

Học phần Công nghệ may trang phục 1 trang bị cho sinh viên kiến thức về kỹ thuật may cơ bản trong may công nghiệp, đặc điểm, tính chất của các đường may máy cơ bản, kỹ thuật may các bộ phận của sản phẩm, trình tự gia công và cách vẽ mặt cắt của đường may, cụm chi tiết trên sản phẩm.

39. Công nghệ may trang phục 2

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về quy trình trong sản xuất may công nghiệp, các công đoạn trong quá trình sản xuất từ khi chuẩn bị nguyên liệu đến hoàn tất sản phẩm. Phân tích sản phẩm, xây dựng quy trình công nghệ gia công sản phẩm.

40. Công nghệ may trang phục 3

Học phần Công nghệ may trang phục 3 trang bị cho sinh viên những kiến thức về sản phẩm may và quá trình công nghệ may, làm mẫu sản xuất, phương pháp giác sơ đồ, tính định mức nguyên phụ liệu, định mức thời gian gia công sản phẩm, xây dựng tài liệu kỹ thuật công nghệ.

41. Đồ án công nghệ may

Học phần Đồ án công nghệ may sẽ giúp cho sinh viên tổng hợp, củng cố kiến thức các học phần của chuyên ngành Công nghệ dệt, may gồm: vẽ kỹ thuật ngành may; Thiết kế và giác sơ đồ trên máy tính; Thiết kế trang phục 3; Công nghệ may 3; Kỹ thuật may các loại sản phẩm áo sơ mi, quần âu, áo jacket, áo veston đảm bảo yêu cầu về chất lượng và định mức của sản phẩm.

42. Thiết kế - giác sơ đồ trên máy tính 1

Học phần Thiết kế - giác sơ đồ trên máy tính 1 cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng sử dụng phần mềm Lectra và Optitex

- Kiến thức chung về phần mềm Lectra và Optitex.
- Ý nghĩa và cách sử dụng các lệnh trong phần mềm Lectra và Optitex.
- Kỹ năng thiết kế, nhảy mẫu, giác sơ đồ các loại mẫu phục vụ sản xuất may công nghiệp.

43. Thiết kế chuyên may công nghiệp

Nội dung học phần Thiết kế chuyên may công nghiệp trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tổng quan về chuyên may công nghiệp, tính các thông số công nghệ và quy trình thiết kế chuyên may. Cải tiến, nâng cao hiệu quả hoạt động trong chuyên may công nghiệp.

44. Tổ chức và quản lý sản xuất may công nghiệp

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về tổ chức và quản lý sản xuất trong doanh nghiệp may công nghiệp. Nội dung bao gồm những kiến thức về

doanh nghiệp, thị trường, tổ chức sản xuất trong doanh nghiệp, công tác con người trong doanh nghiệp, công tác chỉ huy và điều hành sản xuất.

45. Quản lý chất lượng trang phục

Học phần Quản lý chất lượng trang phục trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chất lượng sản phẩm; vai trò, chức năng và các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý chất lượng sản phẩm; phương pháp quản lý chất lượng sản phẩm, các điều kiện để đánh giá sản phẩm đảm bảo chất lượng; các phương pháp kiểm tra chất lượng một số sản phẩm thông dụng, quản lý chất lượng các công đoạn trong may công nghiệp.

46. Kỹ thuật may cơ bản

Học phần Kỹ thuật may cơ bản cung cấp cho sinh viên những kỹ năng cơ bản về: phương pháp may hoàn chỉnh được các loại đường may tay, may máy cơ bản,... Biết phân tích và may được các cụm chi tiết cơ bản trên các loại sản phẩm như: áo sơ mi, quần âu, áo jacket 2 lớp đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, mỹ thuật.

47. Kỹ thuật may quần âu, áo sơ mi

Học phần Kỹ thuật may quần âu, áo sơ mi cung cấp cho sinh viên những kỹ năng cơ bản về: phân tích được kết cấu các cụm chi tiết của áo sơ mi, quần âu. May hoàn chỉnh được các loại sản phẩm áo sơ mi, quần âu đảm bảo yêu cầu chất lượng và định mức của sản phẩm.

48. Kỹ thuật may áo jacket

Học phần Kỹ thuật may áo jacket cung cấp cho sinh viên những kỹ năng cơ bản về: may hoàn chỉnh được các loại sản phẩm như: áo jacket 2 lớp, 3 lớp đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, mỹ thuật. Sinh viên có khả năng nhận biết và phòng ngừa được các dạng hỏng thường xảy ra.

49. Kỹ thuật may áo veston

Học phần Kỹ thuật may áo veston cung cấp cho sinh viên những kỹ năng cơ bản về may các bộ phận chủ yếu của áo veston nam và nữ; lắp ráp hoàn chỉnh sản phẩm veston nữ, nam đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, mỹ thuật.

50. Kỹ thuật rải chuyên

Học phần Kỹ thuật rải chuyên đào tạo sinh viên về khả năng thích ứng với các công việc triển khai một mã hàng trong thực tế. Với những kiến thức và kỹ năng hình thành trong quá trình học tập sẽ giúp cho sinh viên thực hiện được công việc: vận dụng kiến thức của các học phần vào thực tế sản xuất, may được các công đoạn của các loại sản phẩm khác nhau, rải chuyên và điều hành dây chuyền, kiểm soát được năng suất, chất lượng sản phẩm trước khi ra chuyên. Nhận biết và xử lý các tình huống thường gặp khi rải chuyên và điều hành dây chuyền may, tổ chức, thực hiện tốt công việc kiểm tra chất lượng và hoàn thiện bao gói sản phẩm.

51. Đồ họa kỹ thuật ứng dụng ngành may

Học phần Đồ họa kỹ thuật ứng dụng ngành may trang bị cho sinh viên kỹ năng sử dụng các phần mềm đồ họa, điển hình là phần mềm Corel draw vào thiết kế các bản vẽ mỹ thuật và kỹ thuật ngành may.

52. Kỹ thuật may sản phẩm dệt kim

Học phần Thực hành may các sản phẩm dệt kim cung cấp cho sinh viên kỹ năng về: bảo dưỡng, vận hành các thiết bị may sản phẩm dệt kim; may các bộ phận chủ yếu của áo T- shirt ; may ráp hoàn chỉnh áo T- shirt; là, vệ sinh, kiểm tra sản phẩm.

53. Chế tạo cỡ gá ngành may

Học phần Chế tạo cỡ gá ngành may giúp sinh viên nâng cao kỹ năng về phân tích kết cấu bộ phận chủ yếu, thiết kế và chế tạo cỡ gá may các bộ phận chủ yếu của một số mặt hàng thông dụng trong sản xuất may công nghiệp như: bộ phận chủ yếu quần âu, bộ phận chủ yếu áo sơ mi, bộ phận chủ yếu áo jacket. Áp dụng các loại cỡ gá chế tạo đó vào sản xuất nhằm nâng cao năng suất và chất lượng cho sản phẩm.

54. Thực tập doanh nghiệp

- Thực tập doanh nghiệp là học phần nhằm tạo điều kiện cho sinh viên có cơ hội làm quen với thực tế lao động sản xuất. Vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã học trải nghiệm vào thực tế.

- Với những kiến thức và kỹ năng hình thành trong quá trình học tập sẽ giúp cho sinh viên tìm hiểu về cơ sở thực tập, làm quen với những công việc của một kỹ thuật viên tại cơ sở thực tập; trải nghiệm vào thực tế công việc chuyên môn.

55. Thực tập tốt nghiệp

Học phần Thực tập tốt nghiệp giúp sinh viên về khả năng thích ứng với các công việc triển khai một mã hàng trong thực tế. Với những kiến thức và kỹ năng hình thành trong quá trình học tập sẽ giúp cho sinh viên thực hiện được công việc: vận dụng kiến thức của các học phần vào thực tế, may được các công đoạn của các loại sản phẩm khác nhau, rải chuyên và điều hành dây chuyền trôi chảy, nhận biết và xử lý các tình huống thường gặp khi giải chuyên và điều hành dây chuyền may, tổ chức, thực hiện tốt công việc kiểm tra chất lượng và hoàn thiện bao gói sản phẩm.

56. Đồ án tốt nghiệp

Đồ án tốt nghiệp được thực hiện ở kỳ cuối cùng của chương trình học, sau khi người học đã hoàn thành các học phần cơ sở ngành và chuyên ngành, thực tập tốt nghiệp. Nội dung của học phần giúp sinh viên tổng hợp các kiến thức để giải quyết một vấn đề thực tiễn trong sản xuất may công nghiệp.

57. Kỹ thuật cắt may trang phục trẻ em

Học phần Kỹ thuật cắt may trang phục trẻ em giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng thiết kế. Nội dung học phần cung cấp kiến thức và kỹ năng thiết kế một số trang phục cơ bản cho trẻ em như áo sơ sinh, áo sơ mi, váy, quần sooc...

58. Kỹ thuật cắt may trang phục cao cấp

Học phần Kỹ thuật cắt may trang phục cao cấp trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng về thiết kế áo dài, áo măng tô nữ; kỹ năng may hoàn thiện áo dài, áo măng tô nữ đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và mỹ thuật. Học phần giúp sinh viên rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác trong cắt may trang phục cao cấp.

59. Kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức sự kiện và tìm kiếm việc làm

Học phần Kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức sự kiện và tìm kiếm việc làm giới thiệu cho sinh viên những nội dung cơ bản về 2 kỹ năng: Kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức sự kiện cung cấp những kiến thức cơ bản về khái niệm, vai trò của kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức sự kiện. Hình thành cho sinh viên kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức sự kiện, qua đó sinh viên vận dụng lập kế hoạch trong học tập, rèn luyện, trong cuộc sống và tổ chức được một số sự kiện. Kỹ năng tìm kiếm việc làm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Khái niệm, kỹ năng tìm kiếm việc làm, quá trình tìm việc làm; đánh giá năng lực bản thân, xác định mục tiêu nghề nghiệp, tìm kiếm cơ hội việc làm, kỹ năng chuẩn bị hồ sơ xin việc, chuẩn bị tốt cho buổi phỏng vấn, tham dự phỏng vấn, sau buổi phỏng vấn, thương lượng về lương bổng và các quyền lợi khác các bước chuẩn bị cho công việc mới. Từ đó, sinh viên phát huy hiệu quả kiến thức đã học để phát triển tiềm năng cá nhân, đáp ứng với yêu việc làm của xã hội.

60. Kỹ năng thích ứng, phản biện và tư duy sáng tạo

Học phần Kỹ năng thích ứng, phản biện và tư duy sáng tạo cung cấp những nội dung cơ bản về khái niệm, vai trò và các kỹ năng thích ứng như: kỹ năng thích ứng trong học tập; kỹ năng thích ứng với môi trường làm việc; các giải pháp rèn luyện kỹ năng thích ứng như: xác định tư tưởng, thường xuyên giả định các trường hợp có thể xảy ra, luôn khám phá và kích thích sự sáng tạo, đối diện với thử thách, chấp nhận thay đổi để thích ứng với mọi hoàn cảnh trong cuộc sống. Nội dung cơ bản về khái niệm, vai trò, đặc điểm của người có kỹ năng phản biện, rèn luyện kỹ năng phản biện, trau dồi kiến thức cho bản thân thường xuyên, rèn luyện kỹ năng phân tích, kỹ năng phản biện khi giao tiếp, nâng cao khả năng sáng tạo, cách giải quyết vấn đề, rèn luyện để có cách nhìn khách quan, hình thành thói quen đặt câu hỏi, việc sử dụng sơ đồ. Nội dung kỹ năng tư duy sáng tạo gồm khái niệm, đặc điểm và lợi ích của tư duy sáng tạo, các loại tư duy sáng tạo, phẩm chất của tư duy sáng tạo, quy trình và phương pháp tư duy sáng tạo; các bước trong quy trình tư duy sáng tạo, phương pháp tư duy sáng tạo. Từ đó, sinh viên vận dụng các kỹ năng vào quá trình học tập, rèn luyện và trong cuộc sống.

61. Tiếng Anh nâng cao

Học phần Tiếng Anh nâng cao cung cấp cho sinh viên các nội dung sau:

- Ngữ pháp: Cách sử dụng động từ, giới từ, liên từ, trạng từ, các thì của động từ, sự hòa hợp của chủ ngữ với động từ, trợ từ, đại từ quan hệ, danh động từ, động từ nguyên thể, so sánh.

- Từ vựng: Các nhóm động từ, danh từ theo những chủ điểm khác nhau: Giao tiếp, giao dịch, thể thao, giải trí, ăn uống.

- Kỹ năng: Các bài luyện tập nghe, nói, đọc, viết về các chủ đề liên quan đến công việc, đời sống.

62. Tiếng Trung nâng cao 1

Nội dung các bài cung cấp cho sinh viên các từ vựng bài khóa liên quan đến các chủ đề giao tiếp trong đời sống hằng ngày như: học tập, thi cử, sở thích về âm nhạc, thời tiết... Kiến thức ngữ pháp được trình bày từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp: diễn tả

sự hoàn thành của động tác, cấu trúc câu nguyên nhân kết quả “因为 ...所以...”, câu bỏ ngữ xu hướng, câu so sánh hơn 比, hơn nhất “最”, so sánh bằng “有”, so sánh giống nhau “跟 一样”, diễn đạt hành động/động tác sắp xảy ra “要了”、“就要....了”、“快要....了”. Các bài tập trong học phần được thiết kế tập trung rèn luyện, củng cố các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tương ứng với nội dung từng bài.

63. Tiếng Nhật nâng cao 1

Học phần đề cập đến những kiến thức cơ bản về các nội dung sau:

- Chữ Kanji thường dùng.
- Ngữ pháp: Danh từ, động từ, tính từ ở các thể lịch sự và thể thông thường, các thể của động từ: Thể khả năng -dekiru, thể bắt buộc -naide, thể nguyên dạng, thể quá khứ -ta.
- Từ vựng: Chủ đề cơ thể và bệnh tật, sở thích, văn hóa truyền thống và giải trí
- Kỹ năng: Luyện tập nghe, nói, đọc, viết sử dụng các cấu trúc trong bài học biểu thị kinh nghiệm, trải nghiệm và mô tả được sự biến đổi, phát triển của sự vật, hiện tượng, mệnh lệnh phủ định, sự bắt buộc hoặc không cần thiết thực hiện hành động, câu thăm hỏi và đưa lời mời, mô tả khả năng, sở thích, hoạt động giải trí trong thời gian rảnh rỗi.

64. Tiếng Anh ngành Công nghệ dệt, may

Học phần Tiếng Anh ngành Công nghệ dệt, may cung cấp cho sinh viên những nội dung sau:

Ngữ pháp: Cung cấp cho sinh viên các kiến thức ngữ pháp về thì, mệnh đề quan hệ, câu bị động, câu điều kiện, câu cầu khiến, lời nói trực tiếp, gián tiếp. Bên cạnh đó cung cấp cho sinh viên từ vựng chuyên ngành dệt, may theo các chủ đề bài học, từ vựng về thời trang, cấu tạo sợi. Sinh viên được luyện các kỹ năng nghe, nói và đọc và viết về các chủ đề bài học. Kết cấu mỗi bài học gồm 4 phần, mỗi phần đều bao gồm 1 chủ đề về từ vựng, cấu trúc ngữ pháp và phần luyện tập các kỹ năng nói, đọc, viết. Kết thúc mỗi bài đều có phần củng cố và ôn tập lại toàn bộ nội dung bài học đó.

65. Tiếng Trung nâng cao 2

Nội dung các bài cung cấp cho sinh viên các từ vựng bài khóa liên quan đến các chủ đề giao tiếp trong đời sống hàng ngày như: đi tham quan, du lịch, học tập, thể thao, chụp ảnh, miêu tả người... Kiến thức ngữ pháp được trình bày từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp: câu bỏ ngữ kết quả, trợ từ động thái “了”、“着”、“过”, bỏ ngữ động lượng, biểu đạt số thứ tự, cấu trúc “一 就.....”, “是 的”, tính từ lặp lại, vị ngữ chủ vị, câu bị động, lặp lại lượng từ, bỏ ngữ xu hướng kép, trợ từ động thái “着”. Các bài tập trong học phần được thiết kế tập trung rèn luyện, củng cố các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tương ứng với nội dung từng bài.

66. Tiếng Nhật nâng cao 2

Học phần đề cập đến những kiến thức cơ bản về các nội dung sau:

- Chữ Kanji thường dùng.

- Ngữ pháp: Danh từ, động từ, tính từ ở các thể lịch sự và thể thông thường, các thể của động từ: Thể khả năng -dekiru, thể bắt buộc -naide, thể nguyên dạng, thể quá khứ -ta, cách nói trần thuật, nêu suy nghĩ, phán đoán, mệnh đề bổ nghĩa cho danh từ.

- Từ vựng: Chủ đề cơ thể và bệnh tật, sở thích, văn hóa truyền thống và giải trí

- Kỹ năng: Luyện tập nghe, nói, đọc, viết sử dụng các cấu trúc trong bài học biểu thị kinh nghiệm, trải nghiệm và mô tả được sự biến đổi, phát triển của sự vật, hiện tượng, mệnh lệnh phủ định, sự bắt buộc hoặc không cần thiết thực hiện hành động, câu thăm hỏi và đưa lời mời, mô tả khả năng, sở thích, hoạt động giải trí trong thời gian rảnh rỗi.

67. Thiết kế - giác sơ đồ trên máy tính 2

Học phần Thiết kế - giác sơ đồ trên máy tính 2 cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng sử dụng phần mềm Accumark:

- Kiến thức về cài đặt, giới thiệu chung về phần mềm.

- Ý nghĩa và cách sử dụng các lệnh trong phần mềm.

- Kỹ năng thiết kế, nhảy mẫu, giác sơ đồ, số hóa, in các loại mẫu phục vụ sản xuất may công nghiệp.

68. Thiết kế trang phục trên mannequin

Nội dung học phần Thiết kế trang phục trên mannequin trình bày những điều kiện và nguyên tắc cần thiết để thực hiện được kỹ thuật thiết kế 3D trên trang phục. Người học được tiếp cận các kỹ thuật tạo mẫu trên mannequin một cách nhanh nhất, hiệu quả nhất qua các kiến thức và hệ thống bài tập về: tính chất và các quy định khi lựa chọn vải, phom mẫu, số đo và dụng cụ cần thiết khi thiết kế, các kỹ thuật phủ mẫu, nền tảng phủ đầm cơ bản, thao tác pen, cổ áo, thân áo và các kiểu đầm.

69. Thiết kế mẫu công nghiệp

Học phần Thiết kế mẫu công nghiệp trang bị cho sinh viên những kiến thức về phương pháp thiết kế bộ mẫu cơ bản; các nguyên tắc tạo mẫu chính bao gồm nguyên tắc chuyển đổi pen, tạo độ ôm và tạo độ thừa (phồng, dùm, xòe,...); phương pháp thiết kế một số kiểu tay áo, váy áo trên cơ sở bộ mẫu cơ bản.

70. Kỹ thuật điện

Học phần Kỹ thuật điện là môn cơ sở nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về mạch điện, dòng điện hình sin, các phương pháp phân tích mạch điện, mạch điện 3 pha đồng thời trang bị cho sinh viên những nội dung về công dụng, cấu tạo, nguyên lý làm việc của các máy điện và khí cụ điện.

11.2. Đề cương chi tiết học phần (Có phụ lục kèm theo)

12. DANH SÁCH ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

STT	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất, ngành đào tạo	Môn học / học phần sẽ giảng dạy
1.	Phạm Xuân Đức	1980	ThS. Triết học	Kinh tế chính trị Mác - Lênin Triết học Mác - Lênin Tư tưởng Hồ Chí Minh Pháp luật đại cương Kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức sự kiện và tìm kiếm việc làm Kỹ năng thích ứng, phản biện và tư duy sáng tạo
2.	Trần Thị Hồng Nhung	1979	ThS. Triết học	Chủ nghĩa xã hội khoa học Triết học Mác - Lênin Kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức sự kiện và tìm kiếm việc làm Kỹ năng thích ứng, phản biện và tư duy sáng tạo
3.	Nguyễn Thị Hiền	1985	ThS. Triết học	Chủ nghĩa xã hội khoa học Triết học Mác - Lênin Pháp luật đại cương Kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức sự kiện và tìm kiếm việc làm Kỹ năng thích ứng, phản biện và tư duy sáng tạo
4.	Đỗ Thị Thuỳ	1985	ThS. Triết học	Triết học Mác - Lênin Pháp luật đại cương
5.	Phạm Thị Hồng Hoa	1977	TS. Kinh tế quốc tế	Chủ nghĩa xã hội khoa học Kinh tế chính trị Mác - Lênin Kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức sự kiện và tìm kiếm việc làm Kỹ năng thích ứng, phản biện và tư duy sáng tạo
6.	Vũ Văn Đông	1982	TS. Kinh tế chính trị	Kinh tế chính trị Mác - Lênin Kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức sự kiện và tìm kiếm việc làm Kỹ năng thích ứng, phản biện và tư duy sáng tạo
7.	Nguyễn Thị Hải Hà	1977	ThS. Lịch sử Đảng	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

STT	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất, ngành đào tạo	Môn học / học phần sẽ giảng dạy
				Tư tưởng Hồ Chí Minh Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm.
8.	Nguyễn Thị Tình	1986	ThS. Lịch sử Đảng	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam Tư tưởng Hồ Chí Minh Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm.
9.	Phùng Thị Lý	1982	TS. CNXHKKH	Chủ nghĩa xã hội khoa học Kinh tế chính trị Mác - Lênin Kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức sự kiện và tìm kiếm việc làm Kỹ năng thích ứng, phản biện và tư duy sáng tạo
10.	Nguyễn Mạnh Tường	1977	ThS. Quản trị kinh doanh	Kinh tế chính trị Mác - Lênin Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam Tư tưởng Hồ Chí Minh Pháp luật đại cương Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm.
11.	Đặng Thị Dung	1987	Thạc sĩ/Lịch sử Đảng	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam Tư tưởng Hồ Chí Minh Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm.
12.	Phạm Thị Mai	1982	ThS. Lý luận nhà nước về pháp luật	Pháp luật đại cương
13.	Hà Đình Soát	1981	ThS. Khoa học giáo dục	Giáo dục thể chất Giáo dục Quốc phòng - An ninh
14.	Phạm Anh Dũng	1981	ThS. Khoa học giáo dục	Giáo dục thể chất Giáo dục Quốc phòng - An ninh
15.	Vũ Tiên Hiếu	1986	ThS. Khoa học giáo dục	Giáo dục thể chất Giáo dục Quốc phòng - An ninh
16.	Vũ Văn Chương	1974	ThS. Công nghệ cơ khí	Giáo dục Quốc phòng - An ninh

STT	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất, ngành đào tạo	Môn học / học phần sẽ giảng dạy
17.	Nguyễn Thị Nhan	1987	ThS. Triết học	Chủ nghĩa xã hội khoa học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
18.	Phạm Văn Dự	1984	TS. Chủ nghĩa duy vật biện chứng	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam Triết học Mác - Lênin
19.	Trịnh Thị Chuyên	1981	ThS. Tiếng Anh	Tiếng Anh căn bản 1 Tiếng Anh căn bản 2 Tiếng Anh căn bản 3
20.	Tăng Thị Hồng Minh	1985	ThS. Tiếng Anh	Tiếng Anh căn bản 1 Tiếng Anh căn bản 2
21.	Vũ Thị Lương	1978	ThS. Tiếng Anh	Tiếng Anh căn bản 1 Tiếng Anh căn bản 2 Tiếng Anh căn bản 3
22.	Trần Hoàng Yến	1982	ThS. Tiếng Anh	Tiếng Anh căn bản 2
23.	Ngô Thị Mỹ Bình	1984	ThS. Tiếng Anh	Tiếng Anh căn bản 2 Tiếng Anh nâng cao
24.	Đặng Thị Thanh	1979	ThS. Tiếng Anh	Tiếng Nhật căn bản 1 Tiếng Nhật căn bản 2 Tiếng Nhật căn bản 3 Tiếng Nhật nâng cao 1 Tiếng Nhật nâng cao 2
25.	Trần Thị Mai Hương	1985	ThS. Tiếng Anh	Tiếng Anh căn bản 3 Tiếng Anh chuyên ngành CN dệt, may
26.	Phạm Thị Huyền Trang	1988	ThS. Tiếng Anh	Tiếng Anh căn bản 3 Tiếng Anh nâng cao
27.	Tăng Thị Hồng Minh	1985	ThS. Tiếng Anh	Tiếng Anh chuyên ngành CN dệt, may
28.	Nguyễn Thị Hoa	1981	ThS. Tiếng Trung	Tiếng Trung căn bản 1 Tiếng Trung căn bản 2 Tiếng Trung căn bản 3 Tiếng Trung nâng cao 1 Tiếng Trung nâng cao 2
29.	Nguyễn Thị Lan	1980	ThS. Tiếng Trung	Tiếng Trung căn bản 1 Tiếng Trung căn bản 2 Tiếng Trung căn bản 3

STT	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất, ngành đào tạo	Môn học / học phần sẽ giảng dạy
				Tiếng Trung nâng cao 1 Tiếng Trung nâng cao 2
30.	Bùi Thị Trang	1987	ThS. Tiếng Trung	Tiếng Trung căn bản 1 Tiếng Trung căn bản 2 Tiếng Trung căn bản 3 Tiếng Trung nâng cao 1 Tiếng Trung nâng cao 2
31.	Nguyễn Thị Xuyên	1989	ThS. Tiếng Trung	Tiếng Trung căn bản 1 Tiếng Trung căn bản 2 Tiếng Trung căn bản 3
32.	Nguyễn Kiều Hiên	1986	ThS. Toán	Đại số tuyến tính Giải tích
33.	Nguyễn Thị Hồng	1986	ThS. Toán	Đại số tuyến tính Giải tích
34.	Nguyễn Thị Huệ	1985	ThS. Toán	Đại số tuyến tính Giải tích
35.	Nguyễn Thị Diệp Huyền	1979	ThS. Toán	Đại số tuyến tính Giải tích
36.	Nguyễn Việt Tuấn	1983	TS. Toán	Đại số tuyến tính Giải tích
37.	Nguyễn Ngọc Tú	1985	ThS. Vật lý	Vật lý ứng dụng A1 Vật lý ứng dụng A2
38.	Mạc Thị Lê	1984	ThS. Vật lý	Vật lý ứng dụng A1 Vật lý ứng dụng A2
39.	Vũ Hoàng Phương	1983	ThS. Hóa học	Hóa học ứng dụng D
40.	Phạm Thị Diệp	1985	TS. Hóa học	Hóa học ứng dụng D
41.	Phạm Văn Kiên	1979	ThS. Công nghệ thông tin	Tin học cơ bản
42.	Vũ Bảo Tạo	1979	ThS. Công nghệ thông tin	Tin học cơ bản
43.	Phạm Thị Hường	1981	ThS. Công nghệ thông tin	Tin học cơ bản
44.	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	1981	ThS. Công nghệ thông tin	Tin học cơ bản
45.	Hoàng Thị Ngọc Diệp	1982	ThS. Công nghệ thông tin	Tin học cơ bản

STT	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất, ngành đào tạo	Môn học / học phần sẽ giảng dạy
46.	Hoàng Thị Ngát	1985	ThS. Khoa học máy tính	Tin học cơ bản
47.	Hoàng Thị An	1987	ThS. Khoa học máy tính	Tin học cơ bản
48.	Nguyễn Thị Bích Ngọc	1989	ThS. Công nghệ thông tin	Tin học cơ bản
49.	Nguyễn Thị P Oanh	1980	ThS. Tự động hóa	Kỹ thuật điện
50.	Nguyễn Thị V Hương	1986	ThS. Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Kỹ thuật điện
51.	Lương Thị T Xuân	1980	ThS. Tự động hóa	Kỹ thuật điện
52.	Tạ Văn Hiến	1981	Thạc sĩ CN vật liệu Dệt May	Thiết kế - Giác sơ đồ trên máy tính 1 Thiết kế - Giác sơ đồ trên máy tính 2 Kỹ thuật may áo Jacket Kỹ thuật may áo veston
53.	Trần Hải Đăng	1982	Tiến sĩ	Thiết bị trong công nghiệp may Vẽ kỹ thuật ngành may
54.	Bùi Thị Loan	1982	Thạc sĩ CN vật liệu Dệt May	Nhân trắc học may mặc Thiết kế trang phục 3 Tổ chức và quản lý sản xuất may công nghiệp Thiết kế mẫu công nghiệp Thiết kế trang phục trên mannequin
55.	Phạm Thị Kim Phúc	1980	Thạc sĩ CN vật liệu Dệt May	Thiết kế trang phục 1 Thiết kế trang phục 2 Thiết kế trang phục 3 Kỹ thuật may áo Jacket Kỹ thuật may áo veston
56.	Nguyễn Thị Hằng	1982	Thạc sĩ	Thiết bị may công nghiệp và bảo trì

STT	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất, ngành đào tạo	Môn học / học phần sẽ giảng dạy
				Mỹ thuật trang phục Thiết kế trang phục trên mannequin Kỹ thuật may cơ bản, Kỹ thuật may quần âu, áo sơ mi
57.	Nguyễn Thị Hồi	1982	Thạc sĩ CN vật liệu Dệt May	Công nghệ may trang phục 1 Công nghệ may trang phục 2 Mỹ thuật trang phục Thực hành thiết kế trang phục Đồ án thiết kế trang phục Kỹ thuật may cơ bản, Kỹ thuật may quần âu, áo sơ mi Thực tập tốt nghiệp Thực tập doanh nghiệp
58.	Đỗ Thị Làn	1980	Thạc sĩ CN vật liệu Dệt May	Tổ chức và quản lý sản xuất may công nghiệp Quản lý chất lượng trang phục Công nghệ may trang phục 1 Công nghệ may trang phục 2 Công nghệ may trang phục 3 Kỹ thuật may cơ bản
59.	Nguyễn Thị Hiền	1981	Thạc sĩ CN vật liệu Dệt May	Thiết bị trong công nghiệp may Vật liệu dệt may An toàn lao động và môi trường dệt may Xử lý và hoàn tất sản phẩm dệt-may
60.	Đỗ Thị Tần	1979	Thạc sĩ CN vật liệu Dệt May	Kỹ thuật may cơ bản Kỹ thuật may quần âu, áo sơ mi Kỹ thuật rải chuyên Kỹ thuật may trang phục trẻ em Kỹ thuật may các trang phục cao cấp Thực tập tốt nghiệp Thực tập doanh nghiệp

STT	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất, ngành đào tạo	Môn học / học phần sẽ giảng dạy
61.	Nguyễn Quang Thoại	1983	Thạc sĩ CN vật liệu Dệt May	Thực tập tốt nghiệp Thực tập doanh nghiệp Chế tạo cỡ gá may ngành may Đồ hoạ kỹ thuật ứng dụng ngành may

13. CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ HỌC TẬP

13.1. Phòng thí nghiệm và hệ thống thiết bị thí nghiệm chính

TT	Tên phòng thực hành, thí nghiệm	Số lượng	Các trang thiết bị chính
1	Phòng thực hành may 1	01	Máy may 1 kim JUKI DDL 8700B -7 Máy 2 kim JUKI LH- 3528A Máy may Zíc Zắc LZ- 2284 N Máy đính bọ BROTHER KE-430F-O Máy vắt sỏ Ya ma to Máyl Kim SUN FLY Máy 2 kim LH-3568A- 7 Máy vắt sỏ PEGASUS Máy Kan sai Ya ma to Máy trần đê TY 007J
2	Phòng thực hành may 2	01	Máy 1 kim JUKI DDL-8100 e Máy 1 kim JUKI DDL 8700 -7 Máy vắt sỏ GN20-5
3	Phòng thực hành may 3	01	Máy 1 kim JUKI DDL-8100 e Máy vắt sỏ GN20-5
4	Phòng thực hành may 4	01	Máy 1 kim JUKI DDL-700A 7 Máy vắt sỏ GN20-5
5	Xưởng cắt		Máy 12 kim VC 008 Máy cắt vải đẩy tay Máy ép mex HASHIMA Nồi hơi (Bình hơi nước) Bàn hút hơi nước Máy cắt vòng PC- 700A Máy cắt đầu bàn JIE SHI Máy chế tạo đồ gá Máy nén khí Máy thừa LBH -781 Máy đính JUKI MB- 1377 Máy 1 kim JUKI DDL 8700 -7 Máy 1 kim JUKI DDL 8700 Máy Thừa LBH- 792-1 Máy đính cục MB 373
6	Phòng thực hành CAD/CAM	01	Máy tính để bàn

TT	Tên phòng thực hành, thí nghiệm	Số lượng	Các trang thiết bị chính
			Bảng số hóa Máy in cắt hai trong một Máy chiếu đa năng
7	Phòng hội thảo	01	Máy chiếu đa năng Bộ loa mic Ghế liền bàn

- Các phòng học lý thuyết được trang bị máy chiếu đa năng, màn hình LED, điều hoà.

- Phòng thi trắc nghiệm, phòng học ngoại ngữ được trang bị hệ thống thiết bị mới, hiện đại.

13.2. Thư viện

Nhà trường có Trung tâm thông tin - thư viện với tổng diện tích 615m² với 300 chỗ ngồi và trên 4.000 đầu sách tham khảo bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài. Thư viện điện tử được kết nối với cơ sở dữ liệu Proquest Central thuộc Liên hiệp các thư viện Việt Nam phục vụ tra cứu và học tập.

13.3. Giáo trình, tập bài giảng

STT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
I	Giáo trình, tài liệu lưu hành nội bộ			
1.	Khởi nghiệp kinh doanh		i h c Sao	2022
2.	Phương pháp nghiên cứu khoa học		”	2022
3.	Tiếng Anh căn bản 3		”	2022
4.	Tiếng Anh nâng cao		”	2022
5.	Tiếng Anh ngành CN dệt, may		”	2021
6.	Tiếng Trung căn bản 1		”	2022
7.	Tiếng Trung căn bản 2		”	2022
8.	Tiếng Trung căn bản 3		”	2022
9.	Giải tích		”	2022
10.	Bài tập vật lý ứng dụng 1		”	2022
11.	Bài tập vật lý ứng dụng 2		”	2022
12.	Bài tập hoá học đại cương		”	2022
13.	Tin học cơ bản		”	2022
14.	Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm		”	2022

STT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
15.	An toàn lao động và môi trường dệt may		”	2022
16.	Nhân trắc học may mặc		”	2022
17.	Thiết bị trong công nghiệp may		”	2022
18.	Vật liệu dệt may		”	2022
19.	Vẽ kỹ thuật ngành may		”	2022
20.	Mỹ thuật trang phục		”	2022
21.	Xử lý hoàn tất sản phẩm dệt - may		”	2022
22.	Thiết kế trang phục 1		”	2022
23.	Thiết kế trang phục 2		”	2022
24.	Thiết kế trang phục 3		”	2022
25.	Đồ án thiết kế trang phục		”	2022
26.	Công nghệ may trang phục 1		”	2022
27.	Công nghệ may trang phục 2		”	2022
28.	Công nghệ may trang phục 3		”	2022
29.	Đồ án công nghệ may		”	2022
30.	Thiết kế - giác sơ đồ trên máy tính 1		”	2022
31.	Thiết kế chuyên may công nghiệp		”	2022
32.	Tổ chức và quản lý sản xuất may công nghiệp		”	2022
33.	Quản lý chất lượng trang phục		”	2022
34.	Kỹ thuật may cơ bản		”	2022
35.	Kỹ thuật may quần âu, áo sơ mi		”	2022
36.	Kỹ thuật may áo jacket		”	2022
37.	Kỹ thuật may áo veston		”	2022
38.	Kỹ thuật rải chuyên		”	2022
39.	Đồ họa kỹ thuật ứng dụng ngành may		”	2022
40.	Kỹ thuật may sản phẩm dệt kim		”	2022
41.	Chế tạo cỡ gá ngành may		”	2022

STT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
42.	Kỹ thuật cắt may trang phục trẻ em		”	2022
43.	Kỹ thuật cắt may trang phục cao cấp		”	2022
44.	Kỹ năng thích ứng, phản biện và tư duy sáng tạo		”	2022
45.	Kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức sự kiện và tìm kiếm việc làm		”	2022
46.	Thiết kế - giác sơ đồ trên máy tính 2		”	2022
47.	Thiết kế trang phục trên Mannequin		”	2022
48.	Thiết kế kế mẫu công nghiệp		”	2022
II	Giáo trình chính và giáo trình tham khảo			
49.	Giáo trình Kinh tế chính trị Mác Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB Chính trị quốc gia	2005
50.	Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB Chính trị quốc gia	2021
51.	Giáo trình triết học Mác - Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB Chính trị quốc gia	2021
52.	Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB Chính trị quốc gia	2021
53.	Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB Chính trị quốc gia	2021
54.	Giáo trình Pháp luật đại cương	Lê Minh Toàn	NXB chính trị quốc gia sự thật	2021
55.	Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh	Bộ giáo dục và Đào tạo	NXB Chính trị quốc gia	2021
56.	Toàn tập, Tập 12, 18, 23, 25	Mác - Ph.Ăngghen	NXB Chính trị quốc gia	1995
57.	Toàn tập, Tập 27	V.I. Lênin	NXB Chính trị quốc gia	1995
58.	Hướng dẫn ôn thi hiệu quả môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Ngô Thái Hà	NXB Đại học Sư phạm Hà Nội	2022
59.	Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	Quốc hội	NXB chính trị quốc gia sự thật	2020

STT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
60.	Bộ luật Dân sự hiện hành	Quốc hội	NXB chính trị quốc gia sự thật	2020
61.	Bộ luật lao động hiện hành	Quốc hội	NXB chính trị quốc gia sự thật	2020
62.	Luật Phòng chống tham nhũng hiện hành	Quốc hội	NXB chính trị quốc gia sự thật	2020
63.	Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII	Đảng Cộng sản Việt Nam	NXB chính trị quốc gia sự thật	2021
64.	Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB Chính trị quốc gia	2009
65.	Giáo trình Triết học Mác - Lênin	Nguyễn Hữu Vui, Nguyễn Ngọc Long	NXB Chính trị quốc gia	2002
66.	Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin	Nguyễn Việt Thông	NXB Chính trị quốc gia	2009
67.	Hướng dẫn ôn thi hiệu quả môn triết học Mác - Lênin	Phạm Văn Đức	NXB Đại học Sư phạm	2021
68.	Tìm hiểu triết học Mác - Lênin	Nguyễn Ngọc Hà	NXB Khoa học Xã hội	2021
69.	Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB Chính trị Quốc gia	2010
70.	Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII	Đảng Cộng sản Việt Nam	NXB Chính trị quốc gia	2016
71.	Hướng dẫn ôn thi hiệu quả môn Tư tưởng Hồ Chí Minh	Nguyễn Thế Thắng	NXB Đại học Sư phạm	2021
72.	Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	Bộ GD&ĐT	NXB Chính trị Quốc gia	2018
73.	Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII	Đảng Cộng sản Việt Nam	NXB Chính trị Quốc gia	2016
74.	Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII	Đảng Cộng sản Việt Nam	NXB Chính trị Quốc gia	2021
75.	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Lê Huy Bá	NXB Đại học quốc gia TP HCM	2006
76.	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Phương Kỳ Sơn	NXB Chính trị quốc gia	2001
77.	Thực hành nghiên cứu trong kinh tế và quản trị kinh doanh	Nguyễn Văn Thắng	NXB Đại học Kinh tế quốc dân	2019
78.	Tinh thần Khởi nghiệp Kinh doanh	Đình Việt Hòa	NXB Đại học quốc gia Hà Nội.	2012

STT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
79.	English Grammar in Use	Raymond Murphy	Cambridge Press	2004
80.	Understanding and using English grammar	Betty schrampfer Azar	Longman	2002
81.	Big Step TOEIC 1	Kim Soyeong - Park Won	Nhà xuất bản tổng hợp TP HCM	2008
82.	Thuật ngữ dệt may	Nguyễn Văn Lân	Nhà xuất bản tổng hợp TP HCM	
83.	Giáo trình HSK 1	Khuông Lệ Bình	NXB Tổng hợp TP HCM	2018
84.	Giáo trình HSK 2	Khuông Lệ Bình	NXB Tổng hợp TP HCM	2020
85.	汉语会话 301 句	Trương Văn Giới Lê Khắc Kiều Lục biên dịch	NXB Khoa học Xã Hội	2009
86.	汉语会话 301 句	Trương Văn Giới Lê Khắc Kiều Lục biên dịch	NXB Khoa học Xã Hội	2010
87.	Giáo trình HSK3	Khuông Lệ Bình	NXB Đại học ngôn ngữ Bắc Kinh	2019
88.	汉语会话 301 句	Trần Thị Thanh Liêm biên dịch	NXB Đại học Quốc gia	2010
89.	Giáo trình HSK 2	Khuông Lệ Bình	NXB Đại học ngôn ngữ Bắc Kinh	2019
90.	Tiếng Nhật cho mọi người sơ cấp 1	3A Network	Nhà xuất bản trẻ	2019
91.	Toán cao cấp, tập 1	Nguyễn Đình Trí, Tạ Văn Đĩnh và Nguyễn Hồ Quỳnh	NXB Giáo dục	2018
92.	Toán cao cấp Đại số tuyến tính	Đỗ Công Khanh	NXB Đại học Quốc gia TPHCM	2010
93.	Đại số tuyến tính và ứng dụng qua ví dụ và bài tập	Cung Thế Anh, Nguyễn Như Quân, Đào Trọng Quyết, Nguyễn Dương Toàn và Nguyễn Viết Tuân	NXB Giáo dục Việt Nam	2022

STT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
94.	Toán cao cấp Giải tích hàm một biến, Lý thuyết chuỗi	Đỗ Công Khanh, Nguyễn Minh Hằng, Ngô Thu Lương	NXB Đại học Quốc gia TP HCM	2010
95.	Toán cao cấp Giải tích hàm nhiều biến, Phương trình vi phân	Đỗ Công Khanh, Nguyễn Minh Hằng, Ngô Thu Lương	NXB Đại học Quốc gia TP HCM	2010
96.	Vật lí đại cương tập 1	Lương Duyên Bình	NXB Giáo Dục	2020
97.	Vật lí đại cương tập 2	Lương Duyên Bình	NXB Giáo Dục	2020
98.	Hóa học đại cương dành cho sinh viên không thuộc ngành hoá	Trương Thanh Tú, Lâm Ngọc Thiềm	Nhà xuất bản Đại học Quốc Gia Hà Nội	2020
99.	Hóa học đại cương dành cho sinh viên không thuộc ngành hoá	Trương Thanh Tú, Lâm Ngọc Thiềm	NXB Đại học Quốc gia TP HCM	2020
100.	Hoá học đại cương	Nguyễn Khanh	NXB Bách khoa – Hà Nội	2011
101.	Cơ sở vật lý tập 3	David Haliday	NXB Giáo Dục	2010
102.	Giáo trình tin học đại cương	Hàn Việt Thuận	NXB Đại học Kinh tế quốc dân	2009
103.	Tự học nhanh Microsoft Office	Phạm Phương Hoa, Phạm Quang Huân	NXB Thanh niên	2020
104.	Rèn luyện kỹ năng nói, giao tiếp và thuyết trình cho cán bộ đoàn thanh niên	Trần Văn Trung	NXB Chính trị Quốc gia	2010
105.	Kỹ năng quản trò & 325 trò chơi tập thể thanh thiếu niên	Trần Hoàng Trung	NXB Văn hóa Thông tin	2009
106.	8 kỹ năng mềm thiết yếu chìa khóa đến thành công	Trần Thượng Tuấn, Nguyễn Minh Huy	NXB Lao động	2017
107.	Luật bóng chuyền hơi	Tổng cục Thể dục thể thao	NXB Thể thao và Du lịch	2018
108.	Luật bóng chuyền và bóng	Tổng cục Thể	NXB Thể dục thể	2013

STT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
	chuyên bãi biển	dục thể thao	thao	
109.	Luật thi đấu môn Khiêu vũ thể thao	Tổng cục Thể dục thể thao	NXB Thể dục thể thao	2015
110.	Giáo trình một số nội dung cơ bản về lãnh thổ, biên giới quốc gia	Phạm Văn Trường, Nguyễn Quang Dũng	NXB Quân đội nhân dân	2007
111.	Luật bóng đá	Tổng cục Thể dục thể thao	NXB Thể dục thể thao	2013
112.	Nguyên lý hoạt động của máy điện	Thân Ngọc Hoàn, Nguyễn Trọng Thắng	Nhà xuất bản xây dựng	2019
113.	Khí cụ điện	Phạm Văn Chới, Bùi Tín Hữu, Nguyễn Tiến Tôn	NXB Khoa học và kỹ thuật	2006
114.	Hệ thống cỡ số trang phục	Nguyễn Thị Thúy	Nhà xuất bản Đại học quốc gia TP. Hồ Chí Minh	2018
115.	Hình họa vẽ kỹ thuật ngành may	Võ Phước Tấn	NXB Lao động - xã hội	2008
116.	Thiết kế thời trang nam,.	Ngọc Huyền	NXB Bách khoa Hà Nội	2015
117.	Thiết kế mẫu trang phục tập 2	Ngô Thị Xuân Thủy	NXB Giáo dục Việt Nam	2019
118.	Đồ họa kỹ thuật ứng dụng	Võ Phước Tấn	Nhà xuất bản Lao động	2006
119.	Bài tập thực hành trên CorelDraw X3	Phú Hưng	Nhà xuất bản Hồng Đức	2008
120.	Thiết kế quần áo	Trần Thủy Bình	NXB Giáo dục Việt Nam	2005
121.	Cắt may căn bản	Quỳnh Hương	NXB Phụ nữ.	2005
122.	Kỹ thuật cắt may cơ bản và thời trang trẻ em	Cầm Vân	NXB Phụ nữ	2010
123.	Thiết kế trang phục 1	Võ Phước Tấn	NXB Thống kê	2005
124.	Thiết kế trang phục 4	Võ Phước Tấn	NXB Thống kê	2006
125.	Thiết kế trang phục 5	Trần Thanh Hương	NXB ĐH quốc gia TP HCM	2008
126.	Tạo mẫu trang phục nữ	Phùng Thị Bích Dung	NXB Đại học Quốc gia TPHCM	2013

STT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
127.	Vật liệu dệt	Nguyễn Văn Lân	NXB ĐH quốc gia TP HCM	2011
128.	Vật liệu dệt, may	Võ Phước Tấn	NXB Lao động XH	2006
129.	Cấu trúc vải dệt kim	Lê Hữu Chiến	NXB Bách khoa Hà Nội	2003
130.	Thiết bị may công nghiệp	Nguyễn Thanh Tùng, Dương Văn Trình	NXB Giáo dục Việt Nam	2017
131.	Thiết bị may công nghiệp và bảo trì	Nguyễn Phước Tấn, Nguyễn Thị Thanh Trúc, Lê Quang Bình	NXB Lao động - Xã hội.	2006
132.	Công nghệ nhuộm và hoàn tất	Nguyễn Công Toàn	NXB ĐH quốc gia TP HCM	2010
133.	Thiết bị trong công nghiệp may	Nguyễn Trọng Hùng Nguyễn Phương Hoa	NXB Khoa học kỹ thuật	2001
134.	Giáo trình Vẽ kỹ thuật ngành may	Nguyễn Sĩ An	NXB Giáo dục Việt Nam.	2019
135.	Mỹ thuật trang phục	Trần Thủy Bình	NXB Giáo dục Việt Nam	2005
136.	Nguyên tắc thiết kế thời trang	Võ Phước Tấn	NXB Lao động XH	2008
137.	Cơ sở sản xuất may công nghiệp Chí Minh.	Trần Thanh Hương	NXB Đại học Quốc gia TPHCM	2014
138.	Công nghệ may 2	Trần Thanh Hương	NXB Đại học Quốc gia TPHCM	2008
139.	Hệ thống bài tập Công nghệ may 4	Võ Phước Tấn	NXB Lao động - xã hội	2007
140.	Công nghệ may	Lê Thị Kiều Liên	NXB Trường Đại học Quốc gia TP HCM	2007
141.	Quản lý chất lượng trang phục	Võ Phước Tấn, Phạm Nhất Chi Mai	NXB Lao động XH	2006

STT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
142.	Ứng dụng phần mềm trong giảng dạy ngành công nghệ may và giày da	Vũ Thanh Chương	NXB Khoa học và kỹ thuật	2012
143.	Optitex 2D V10	Trần Thị Tuyết Dung		2018
144.	Lectra & thiết kế trang phục	Nguyễn Thị Mộng Hiền	NXB ĐH quốc gia TP HCM	2014
145.	Hướng dẫn sử dụng phần mềm AccuMark cho thiết kế quần áo	Lã Thị Ngọc Anh	NXB Giáo dục Việt Nam	2013
146.	Quản lý nhân lực trong doanh nghiệp	Nguyễn Tấn Thịnh	NXB Khoa học và kỹ thuật	2005
147.	Công nghệ may trang phục	Trần Thanh Hương	NXB ĐH quốc gia TP HCM	2008
148.	Công nghệ may 2	Võ Phước Tấn	NXB Thống kê	2006
149.	Công nghệ may 3	Võ Phước Tấn	NXB Thống kê	2006
150.	Công nghệ may 4	Võ Phước Tấn	NXB Thống kê	2007
151.	Hệ thống bài tập Công nghệ may 2	Võ Phước Tấn	NXB Lao động - xã hội	2006
152.	Hệ thống bài tập Công nghệ may 3	Võ Phước Tấn	NXB Lao động - xã hội	2006
153.	Công nghệ may 5	Võ Phước Tấn	NXB ĐH quốc gia TP HCM	2008
154.	Xử lý thống kê số liệu thực nghiệm và những ví dụ ứng dụng trong ngành dệt may	Nguyễn Văn Lân	NXB Trường Đại học Quốc gia TP HCM	2004
155.	Quản lý sản xuất	Nguyễn Văn Nghiễn	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội	2001
156.	Quản lý chất lượng	Ngô Phúc Hạnh	NXB Khoa học và kỹ thuật.	2011
157.	Lập kế hoạch sản xuất ngành may	Trần Thanh Hương	Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật TPHCM	2007
158.	Công nghệ may	Lê Thị Kiều Liên	NXB ĐH quốc gia TPHCM	2007
159.	Vệ sinh lao động	Hoàng Xuân Bính	NXB Khoa học và kỹ thuật	2010

STT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
160.	Giáo trình an toàn và vệ sinh lao động trong ngành May	Nguyễn Thị Mỹ Linh	NXB Trường Đại học Quốc gia TP HCM	2018

14. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

14.1. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa

- Quá trình đào tạo nhà trường tổ chức các hoạt động ngoại khóa như văn hoá, văn nghệ, thể thao, tham quan dã ngoại,... để tăng cường khả năng giao tiếp cho sinh viên.

- Để sinh viên có nhận thức đầy đủ về ngành đang theo học, nhà trường bố trí tham quan một số doanh nghiệp, cơ sở đang sản xuất kinh doanh phù hợp với ngành Công nghệ dệt, may.

- Thời gian được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa:

Số TT	Hoạt động ngoại khóa	Hình thức	Thời gian	Mục tiêu
1	Chính trị đầu khóa	Tập trung	Sau khi nhập học	Phổ biến các quy chế đào tạo nghề, nội quy của trường và lớp học Phân lớp, làm quen với giáo viên chủ nhiệm
2	Hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, dã ngoại	Cá nhân, nhóm thực hiện hoặc tập thể	Vào các ngày lễ lớn trong năm: Lễ khai giảng; Ngày thành lập Đảng, Đoàn; Ngày thành lập trường, lễ kỷ niệm 20-11,...	Nâng cao kỹ năng giao tiếp, khả năng làm việc theo nhóm Rèn luyện ý thức tổ chức kỷ luật, lòng yêu ngành, yêu trường
3	Tham quan phòng truyền thống của ngành, của trường	Tập trung	Vào dịp hè, ngày nghỉ trong tuần	Rèn luyện ý thức, tổ chức, kỷ luật, lòng yêu ngành, yêu trường
4	Đi thực tế tại các doanh nghiệp, cơ sở đang sản xuất	Tập trung nhóm	Năm học thứ 3 hoặc thứ 4 hoặc trong quá trình thực tập	Nhận thức đầy đủ về ngành theo học. Tìm kiếm cơ hội việc làm
5	Hoạt động thư viện (Ngoài giờ học, sinh viên có thể đến thư viện nghiên cứu và tham khảo tài liệu)	Cá nhân	Ngoài thời gian học tập	Nghiên cứu bổ xung các kiến thức chuyên môn, tìm kiếm thông tin ngành theo học trên Internet

14.2. Hướng dẫn tổ chức thi kết thúc học phần

Thời gian tổ chức thi kết thúc học phần từ 45 phút đến 60 phút đối với thi trắc nghiệm; từ 60 phút đến 90 phút đối với thi tự luận; từ 90 phút đến 120 phút đối với thi thực hành; được xác định và có hướng dẫn cụ thể trong đề cương chi tiết.

14.3. Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp

- Sinh viên phải học hết chương trình giáo dục đại học ngành Công nghệ dệt, may và phải tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định trong chương trình đào tạo đại học.

- Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả tích lũy của sinh viên để quyết định cho sinh viên làm đề án tốt nghiệp hoặc học một số học phần thay thế đề án tốt nghiệp và tổ chức xét công nhận tốt nghiệp.

14.4. Các chú ý khác

Trên cơ sở số lượng các học phần trong chương trình đào tạo, Khoa và phòng Quản lý đào tạo xây dựng kế hoạch tiến độ đào tạo của năm học, khóa học và triển khai thực hiện hàng tuần, hàng tháng, hàng kỳ đảm bảo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo./.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
SAO ĐỎ
BỘ THƯƠNG



TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên